

Bản án số: 29/2021/HS-ST
Ngày: 16-9-2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DIÊN KHÁNH, TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Mai

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Quốc Tân
Ông Nguyễn Thành

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thái Bảo Ngân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 19/2021/HSST ngày 16 tháng 4 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2021/QĐXXST-HS ngày 31/5/2021 đối với các bị cáo:

1. Huỳnh Bảo Tr (tên gọi khác: L), sinh năm 1995 tại tỉnh Khánh Hòa; thường trú: đường N, phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 06/12; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; dân tộc: Kinh; con ông Huỳnh Văn M, sinh năm 1967 và bà Nguyễn Thị L, sinh năm: 1969; gia đình có 02 người con, bị cáo là con thứ hai; chưa có vợ, con;

Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân:

- Ngày 20/7/2011, bị Chủ tịch UBND phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường thời hạn 06 tháng về hành vi cố ý gây thương tích và trộm cắp tài sản theo Quyết định số 10/QĐ-UB;

- Ngày 13/3/2013, bị Tòa án nhân dân thành phố N xử phạt 18 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản” theo Bản án số 61/2013/HSST, chấp hành án xong ngày 13/12/2013;

- Ngày 31/5/2015, bị Tòa án nhân dân thành phố N xử phạt 01 năm 03 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số 64/2015/HSST, chấp hành án xong ngày 19/3/2016.

Bị bắt truy nã tạm giữ, tạm giam từ ngày 06/02/2021 đến nay tại Nhà tạm giữ Công an huyện D; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Lưu Gia L (tên gọi khác: B), sinh năm 1995 tại tỉnh Khánh Hòa; thường

trú: phường Ng, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa; nghề nghiệp: thợ trần thạch cao; trình độ học vấn: 08/12; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; dân tộc: Kinh; con ông Lưu Văn L, sinh năm 1968 và bà Lê Thị Nh, sinh năm: 1966; gia đình có 02 người con, bị cáo là con thứ hai; chưa có vợ, con;

Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân:

- Ngày 24/3/2015, bị Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xử phạt 01 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số 34/2015/HSPT, chấp hành án xong ngày 11/8/2015;

- Ngày 01/12/2020, bị Tòa án nhân dân thành phố N xử phạt 05 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số 286/2020/HSST.

Bị bắt truy nã tạm giữ, tạm giam từ ngày 07/02/2021 đến nay tại Nhà tạm giữ Công an huyện D; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại:* Anh Nguyễn Tấn T Sinh năm 1999

Địa chỉ: thôn T, xã Đ, huyện D, tỉnh Khánh Hòa; có mặt tại phiên tòa.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Chị Nguyễn Thị Ngọc H Sinh năm 1993;

Địa chỉ: thôn T, xã Đ, huyện D, tỉnh Khánh Hòa, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Bà Lê Thị Nh Sinh năm 1966

Địa chỉ: phường Ng, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa; vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 25/9/2020, Đội cảnh sát hình sự Công an thành phố N tuần tra tại đường N, phường V, thành phố N thì phát hiện Huỳnh Bảo Tr có biểu hiện nghi vấn nên mời về trụ sở làm việc. Tại cơ quan công an, Tr khai nhận đã cùng Lưu Gia L thực hiện hành vi trộm cắp tài sản tại địa bàn huyện D, cụ thể:

Khoảng 10 giờ ngày 10/9/2020, Huỳnh Bảo Tr đến nhà Lưu Gia L chơi và được L rủ đi trộm cắp tài sản, Tr đồng ý. L lấy xe mô tô BKS 79N2-316.19 (xe của mẹ L) chở Tr đi lòng vòng trong thành phố N để tìm tài sản nhưng không phát hiện tài sản nào sơ hở nên cả hai đi theo đường 23/10 lên địa phận huyện D. Khi đến đầu hẻm số 3, đường Hương lộ 5, thôn T, xã D, huyện D, Tr bảo L dừng lại. Tr nói L đứng ngoài cảnh giới, Tr đi bộ vào phía trong hẻm, phát hiện trong sân nhà số 79 có 01 xe mô tô Sirius màu trắng – đen, BKS 79D1-191.18 của anh Nguyễn Tấn T, không có người trông coi. Tr lén lút dùng kéo y tế mang theo sẵn để phá khóa, lấy trộm xe 79D1-191.18 dắt ra ngoài chỗ L đang đợi để tẩu thoát. Sau đó, L điều khiển xe mô tô BKS 79N2-316.19 về nhà còn Tr điều khiển xe mô tô vừa trộm cắp được đến Khu vực Bến xe P, thành phố N bán cho đối

tượng tên “Bì” (chưa xác định được nhân thân, lai lịch) được 2.500.000đ, Tr chia cho L 1.250.000đ và cả hai tiêu xài cá nhân hết.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 73/KL-HĐĐGTS ngày 24/11/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện D kết luận: Xe mô tô BKS 79D1-191.18 có giá trị 14.625.000đ.

- Vật chứng: Xe mô tô BKS 79D1-191.18 đứng tên chủ sở hữu là chị Nguyễn Thị Ngọc H, hiện chưa thu hồi được.

- Về phần dân sự: Bị hại là anh Nguyễn Tấn T yêu cầu các bị cáo liên đới bồi thường số tiền 15.000.000đ.

Tại Cáo trạng số 19/CT-VKSDK ngày 15 tháng 4 năm 2021, Viện kiểm sát nhân dân huyện D, tỉnh Khánh Hòa truy tố các bị cáo Huỳnh Bảo Tr, Lưu Gia L về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên nội dung bản cáo trạng, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 58 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Tr từ 15 tháng đến 18 tháng tù, bị cáo L từ 12 tháng đến 15 tháng tù; về trách nhiệm dân sự: Bị hại anh Nguyễn Tấn T yêu cầu các bị cáo Huỳnh Bảo Tr và Lưu Gia L liên đới bồi thường số tiền 15.000.000đ, các bị cáo Tr, L đồng ý bồi thường số tiền trên cho bị hại nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận; về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận, tại lời nói sau cùng các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện D, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện D, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, bị cáo và người tham gia tố tụng không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Tại cơ quan điều tra, người tham gia tố tụng không có ý kiến gì. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là chị Nguyễn Thị Ngọc H và bà Lê Thị Nh vắng mặt nhưng chị H, bà Nh đã có lời khai đầy đủ trong quá trình điều tra, chị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt chị H, bà Nh theo quy định tại Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[3] Tại phiên tòa, các bị cáo Tr, L đã khai nhận toàn bộ hành vi trộm cắp tài sản của mình đúng như bản Cáo trạng truy tố. Lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 16 giờ ngày 10/9/2020, lợi dụng sự sơ hở của anh Nguyễn Tấn T trong việc trông coi và quản lý tài sản, các bị cáo Huỳnh Bảo Tr, Lưu Gia L đã thực hiện hành vi trộm cắp xe mô tô BKS 79D1-191.18 của anh T. Giá trị tài sản trộm cắp là 14.625.000đ (*Mười bốn triệu sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng*). Hành vi lén lút, chiếm đoạt tài sản của các bị cáo Huỳnh Bảo Tr, Lưu Gia L đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự. Cáo trạng số 19/CT-VKSDK ngày 15/4/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện D và luận tội của Kiểm sát viên đề nghị đối với bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[4] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân, gây mất trật tự an toàn xã hội. Các bị cáo là những thanh niên có sức khỏe, tuổi đời còn trẻ nhưng lười lao động, muốn có tiền tiêu xài nên đã nhiều lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Hành vi của các bị cáo thể hiện sự coi thường pháp luật. Các bị cáo đều có nhân thân xấu, đã nhiều lần bị kết án về tội trộm cắp tài sản và bị xử phạt hành chính nhưng vẫn không thay đổi lối sống, không lấy đó làm bài học cho bản thân mà lại tiếp tục phạm tội. Trong quá trình điều tra, các bị cáo đã bỏ trốn, không có mặt tại địa phương, làm cản trở hoạt động điều tra của cơ quan tiến hành tố tụng, do đó, cần xử lý nghiêm đối với các bị cáo để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

Xét vai trò của từng bị cáo: Đây là vụ án có đồng phạm nhưng mang tính chất giản đơn, bị cáo Tr và bị cáo L đã lợi dụng sự sơ hở của người khác để thực hiện hành vi trộm cắp tài sản mà không có sự bàn bạc, phân công trước khi phạm tội. Bị cáo Tr là người chuẩn bị dụng cụ đồng thời cũng là người trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp tài sản và trực tiếp tiêu thụ tài sản trộm cắp. Bị cáo L là người chủ động rủ rê và dùng xe máy của gia đình để chở Tr đi tìm tài sản, là người cảnh giới để Tr thực hiện hành vi trộm cắp. Do đó, bị cáo Tr giữ vai trò cao và tích cực hơn bị cáo L trong việc thực hiện hành vi phạm tội. Vì vậy, cần xử phạt bị cáo Tr mức hình phạt cao hơn bị cáo L mới thỏa đáng.

Tuy nhiên, xét thấy, tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nên các bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ “thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải” quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

Quá trình giải quyết vụ án, chị Nguyễn Thị Ngọc H rút yêu cầu về việc buộc các bị cáo phải bồi thường thiệt hại về tài sản, bị hại anh Nguyễn Tấn T giữ nguyên yêu cầu buộc các bị cáo bồi thường số tiền 15.000.000đ. Các bị cáo đồng ý liên đới bồi thường theo yêu cầu của bị hại nên cần ghi nhận. Do đó, buộc các bị cáo Tr, L phải liên đới bồi thường cho bị hại số tiền 15.000.000 đồng (mỗi bị cáo bồi thường số tiền 7.500.000đ).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Nh là chủ sở hữu hợp pháp đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Vision BKS 79N2-316.19, bà Nh không có yêu cầu gì nên không xem xét.

[6] Về xử lý vật chứng: Xe mô tô BKS 79D1-191.18 không thu hồi được nên không xử lý.

[7] Về các vấn đề khác:

Đối với đối tượng tên “Bi” là người đã mua xe mô tô BKS 79D1-191.18, cơ quan điều tra đã điều tra, xác minh để làm rõ nhân thân, lai lịch nhưng vẫn chưa xác định được nên Hội đồng xét xử kiến nghị Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát tiếp tục làm rõ và xử lý đối tượng nói trên theo quy định của pháp luật, nhằm tránh bỏ lọt người phạm tội.

Đối với xe mô tô nhãn hiệu Vision BKS 79N2-316.19, bà Lê Thị Nh không biết việc các bị cáo sử dụng phương tiện trên để đi trộm cắp tài sản nên không có căn cứ để xem xét trách nhiệm hình sự.

[8] Về án phí: Các bị cáo Huỳnh Bảo Tr, Lưu Gia L phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 56 và Điều 58 của Bộ luật hình sự;

Căn cứ Điều 584, Điều 587 và Điều 589 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ Điều 292, Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự;

Căn cứ Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về trách nhiệm hình sự:

Xử phạt bị cáo Huỳnh Bảo Tr 01 (*một*) năm 06 (*sáu*) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam (ngày 06/02/2021).

Xử phạt bị cáo Lưu Gia L 01 (*một*) năm 03 (*ba*) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Tổng hợp với hình phạt 05 (*năm*) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” tại Bản án số 286/2020/HS.ST ngày 01/12/2020 của Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Khánh Hòa. Buộc bị cáo Lưu Gia L phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 06 (*sáu*) năm 03 (*ba*) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam (ngày 07/02/2021).

2. Về trách nhiệm dân sự:

Buộc các bị cáo Huỳnh Bảo Tr, Lưu Gia L phải liên đới bồi thường số tiền 15.000.000đ (*mười lăm triệu đồng*) cho bị hại Nguyễn Tấn T (mỗi bị cáo bồi thường số tiền 7.500.000đ (*bảy triệu năm trăm nghìn đồng*)).

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn thi hành án mà người phải thi hành án chưa thi hành thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. Về án phí: Buộc các bị cáo Huỳnh Bảo Tr, Lưu Gia L mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (*hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm và 375.000đ (*ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- Sở tư pháp tỉnh Khánh Hòa ;
- VKSND huyện D
- Công an huyện D;
- Nhà tạm giữ huyện D;
- Chi cục THADS huyện D;
- Lưu: Hồ sơ, án văn .

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Đoàn Thị Mai